



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

TP. Hồ Chí Minh, tháng 5 năm 2009

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
CHƯƠNG II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY...	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	5
CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3. Mục tiêu của Công ty.....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành Công ty	7
CHƯƠNG V QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	7
Điều 6. Quyền hạn của Công ty.....	7
Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty	8
CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập	8
Điều 9. Chứng chỉ cổ phiếu	9
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 11. Thừa kế cổ phần.....	11
Điều 12. Phát hành thêm và chào bán cổ phần.....	11
Điều 13. Thu hồi cổ phần, tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	12
CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý	13
CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 15. Quyền hạn của Cổ đông Công ty	13
Điều 16. Nghĩa vụ của các Cổ đông	15
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 19. Các đại diện được ủy quyền.....	18
Điều 20. Thay đổi các quyền.....	18
Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 22. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 25. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	25
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29
CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	32

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý	32
Điều 31. Cán bộ quản lý	32
Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	32
Điều 33. Thư ký Công ty	34
CHƯƠNG IX NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	34
Điều 34. Nghĩa vụ của Cán bộ quản lý Công ty	34
Điều 35. Thẩm quyền quyết định các loại hợp đồng, giao dịch.....	35
Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT	36
Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát.....	37
Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	39
Điều 40. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát	39
Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát.....	39
CHƯƠNG XI THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	40
Điều 42. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác	40
Điều 43. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	40
CHƯƠNG XIV CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN.....	41
Điều 44. Đối tượng và nội dung công khai các lợi ích liên quan.....	41
CHƯƠNG XII QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY....	41
Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	41
CHƯƠNG XIII HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ	42
Điều 46. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công nhân viên , Công đoàn và các Tổ chức chính trị xã hội khác	42
CHƯƠNG XV PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	42
Điều 47. Trích lập các quỹ.....	42
Điều 48. Cổ tức.....	43
CHƯƠNG XVI TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN	44
Điều 49. Tài khoản ngân hàng.....	44
Điều 50. Năm tài khóa.....	44
Điều 51. Hệ thống kế toán.....	44
CHƯƠNG XVII BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	44
Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	44
Điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	45
CHƯƠNG XVIII KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	45
Điều 54. Kiểm toán.....	45
CHƯƠNG XIX CON DẤU	46

Điều 55. Con dấu	46
CHƯƠNG XX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	46
Điều 56. Chấm dứt hoạt động.....	46
Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và	47
Điều 58. Thanh lý	47
CHƯƠNG XXI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	47
Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	47
CHƯƠNG XXII BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	48
Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	48
CHƯƠNG XXIII NGÀY HIỆU LỰC	48
Điều 61. Ngày hiệu lực.....	48
Điều 62. Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty	49
DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	49
DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÁ NHÂN	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 có hiệu lực từ 01/7/2006;

Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển Công ty nhà nước thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-BCN ngày 23/02/2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hóa Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2.

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (dưới đây gọi là "Công ty") là một Công ty Cổ phần được thành lập do cổ phần hóa Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để Công ty thực hiện hoạt động kinh doanh.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty tại phiên họp lần đầu vào ngày 22 tháng 9 năm 2007 và được bổ sung, sửa đổi một số Điều, Khoản do Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua bằng thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết số: 581/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2008 của Đại hội đồng cổ đông nhằm tuân thủ quy định của Bộ Tài chính theo Quyết định 15/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 v/v áp dụng Điều lệ mẫu đối với các công ty niêm yết.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ tổ chức và hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a. "Địa bàn kinh doanh" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
 - b. "Vốn điều lệ" có nghĩa là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 8 Điều lệ này.
 - c. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2006.
 - d. "Ngày thành lập" có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - e. "Pháp luật" là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật quy định tại Điều 1 Luật ban hành văn bản quy phạm Pháp luật.
 - f. "Cán bộ quản lý" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Xí nghiệp.

g. "Người liên quan" có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định trong khoản 17, Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

h. "Cổ đông" là người sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty.

i. "Cổ phần phổ thông được quyền chào bán" là tổng số cổ phần được tính trên vốn Điều lệ trừ đi tổng số cổ phần ưu đãi (không được quyền chào bán như: cổ phần ưu đãi biểu quyết, cổ phần ưu đãi cổ tức...).

j. "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế của chúng.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Khi được sử dụng trong Điều lệ này, tùy từng ngữ cảnh, từ "người" được hiểu là cá nhân và/hoặc tổ chức.

5. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Điều lệ này, các từ hoặc thuật ngữ được dùng trong Điều lệ này sẽ có nghĩa như được quy định trong Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên của Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Tên của Công ty bằng tiếng Anh là:

POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 2

Tên viết tắt của Công ty là: **PECC2**

Logo của Công ty:



2. Công ty là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ : 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (08)22211057

Fax : (08)22210571

E-mail : pecc2@pecc2.com

Website : www.pecc2.com

4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo Pháp luật của Công ty. Người đại diện theo pháp luật phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có quyền dời văn phòng, thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện hoặc các trụ sở khác tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty theo nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 56 và Điều 57 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

CHƯƠNG III MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

a. Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình nguồn điện, lưới điện, viễn thông, các công trình công nghiệp, thủy lợi, giao thông, công trình ngầm, cơ sở hạ tầng và dân dụng khác ...; bao gồm:

- Khảo sát địa hình, địa chất, khí tượng thủy văn, khảo sát biển để phục vụ thiết kế các giai đoạn và thực hiện các công việc liên quan khác.
- Lập quy hoạch, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- Thiết kế xây dựng công trình.
- Thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình.
- Lập Hồ sơ mời thầu và phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu, cung cấp dịch vụ tư vấn thi công xây dựng, cung cấp vật tư thiết bị, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng.
- Giám sát công tác khảo sát; giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị.
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, điều tra di dân tái định canh, định cư.
- Tư vấn quản lý dự án.
- Lập phương án bồi thường giải phóng mặt bằng.
- Khoan phụt chống thấm, xử lý và gia cố nền móng công trình.
- Kiểm định chất lượng xây dựng công trình và các dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng.
- Khoan thăm dò và khảo sát kỹ thuật khai thác nước ngầm, tinh chế, lọc nước phục vụ sinh hoạt và các hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Đầu tư xây dựng công trình nguồn điện, sản xuất và kinh doanh điện năng.

c. Xây lắp đường dây và trạm điện từ 35 kV trở xuống, nhà máy thủy điện nhỏ.

d. Thiết kế, chế tạo thiết bị cơ khí.

e. Sản xuất phụ kiện, dụng cụ chuyên ngành điện, gia công chế tạo và thử nghiệm cột điện các loại.

- f. Mạ kẽm nhúng nóng cột điện thép, phụ kiện điện và các sản phẩm kim loại.
 - g. Kinh doanh, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị điện lực, công nghiệp và dân dụng.
 - h. Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản.
 - i. Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
2. Mục tiêu của Công ty là:

Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty, liên doanh, liên kết với mọi thành phần kinh tế để tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề hợp pháp khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty mang lại lợi ích hài hòa cho Người lao động, các Cổ đông, Công ty và xã hội.

3. Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào nêu trên cần phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì Công ty sẽ thực hiện lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu đó sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của Pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác được Pháp luật cho phép mà Hội đồng quản trị xét thấy có lợi cho Công ty.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và quản trị điều hành Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ, công khai và tôn trọng Pháp luật và Điều lệ Công ty;

2. Các Cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng chia lợi nhuận và chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình vào Công ty;

3. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là Đại hội đồng cổ đông;

4. Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị để chịu trách nhiệm quản trị Công ty giữa 2 kỳ Đại hội và bầu Ban kiểm soát để kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý của mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành Công ty;

5. Quản lý điều hành hoạt động của Công ty là Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

CHƯƠNG V QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 6. Quyền hạn của Công ty

1. Tự chủ kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

2. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

3. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

4. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

5. Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.
6. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh, tổ chức sản xuất và quan hệ tổ chức nội bộ.
7. Sở hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.
8. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được Pháp luật quy định.
9. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của Pháp luật về khiếu nại, tố cáo.
10. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của Pháp luật.
11. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ của Công ty

1. Đăng ký kinh doanh và kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về kết quả kinh doanh, chịu trách nhiệm trước khách hàng và pháp luật về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.
 2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của Pháp luật về kế toán. Cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, công khai và minh bạch theo các quy định của pháp luật.
 3. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật.
 4. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của Pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của Pháp luật về bảo hiểm.
 5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
 6. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của Pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; khi phát hiện các thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
 7. Tuân thủ quy định của Pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ được góp bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc các tài sản khác. Việc định giá tài sản góp vốn được thực hiện theo Điều 30 Luật doanh nghiệp.
2. Vốn Điều lệ của Công ty là 44.390.000.000 đồng (bốn mươi bốn tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 4.439.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn) cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn

đồng). Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông, kể cả các cổ phần do Nhà nước nắm giữ.

3. Công ty chỉ có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các quy định của Pháp luật.

4. Vốn điều lệ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Không được sử dụng Vốn điều lệ để chia cổ tức, phân phối hoặc phân tán tài sản cho các Cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác mà không trái Pháp luật).

5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

6. “Cổ đông sáng lập” là những Cổ đông có các điều kiện sau:

a. Tham gia thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty;

b. Các Cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;

Cổ đông sáng lập có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần của các Cổ đông sáng lập được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục là một phần của Điều lệ này.

7. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình và thanh toán tiền mua cổ phần theo những cách thức phù hợp với các quy định tại Điều lệ này, quy định trong Luật Doanh nghiệp và Pháp luật có liên quan. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phiếu ngân quỹ và có thể chào bán theo hình thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành ***các loại chứng khoán khác*** khi có phê chuẩn của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp và Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 9. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 của Điều này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cấp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo hay hành vi vi phạm pháp luật khác.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

8. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Trong vòng 3 năm kể từ ngày thành lập, các Cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán. Trong trường hợp Cổ đông sáng lập muốn chuyển nhượng số cổ phần này cho những người không phải là Cổ đông sáng lập của Công ty thì cần phải có sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần sẽ không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng này và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành Cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau thời hạn 3 năm, quy định hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của Cổ đông sáng lập được bãi bỏ (kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).

2. Thành viên Hội đồng quản trị chỉ được chuyển nhượng 50% cổ phần của mình trong vòng ba (3) năm kể từ ngày thành lập (trừ những thành viên là cổ đông sáng lập).

3. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Đối với chứng chỉ cổ phiếu chưa niêm yết, các Cổ đông muốn chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký và làm thủ tục tại trụ sở chính Công ty. Trường hợp Công ty thuê tổ chức trung gian quản lý Sở cổ đông thì việc chuyển nhượng được thực hiện tại tổ chức trung gian này hoặc theo các quy định hiện hành của pháp luật. Hội đồng quản trị có thể ban hành quy định, quy chế chuyển nhượng và thông báo cho tất cả các Cổ đông của Công ty.

4. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp Cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần, thì trong sổ chứng nhận Cổ đông sẽ ghi nhận số cổ phần

đã chuyển nhượng (giảm) và số cổ phần còn lại. Nếu người nhận chuyển nhượng là Cổ đông của Công ty, thì số cổ phần của họ sẽ được ghi tăng tương ứng. Nếu người nhận chuyển nhượng không phải là cổ đông của Công ty thì sẽ được cấp sổ chứng nhận Cổ đông theo qui định.

5. Cổ phần đã được chuyển nhượng phải được ghi đầy đủ những thông tin qui định tại khoản 2 Điều 86 Luật Doanh nghiệp vào Sổ cổ đông, kể từ thời điểm đó, người nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành Cổ đông của Công ty.

6. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 11. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông bị chết hoặc được xác định là mất tích theo quy định của Pháp luật, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ số cổ phần của Cổ đông đó:

a. Người thừa kế duy nhất theo quy định của Pháp luật;

b. Nếu có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì những người này phải cử một người đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục uỷ quyền có công chứng. Công ty không giải quyết bất cứ trường hợp tranh chấp nào giữa những người thừa kế.

2. Người thừa kế hợp pháp của Cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành Cổ đông mới của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của Cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 12. Phát hành thêm và chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán, trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên sau khi đăng ký kinh doanh;

b. Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;

c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán. Số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số Cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Cổ phần phổ thông được dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông đang sở hữu. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý (không ít hơn ba mươi (30) ngày) để Cổ đông đặt mua, trừ khi Đại hội đồng cổ đông quy định khác đi. Số cổ phần còn lại (không được Cổ đông đặt mua), Hội đồng quản trị có thể phân phối các cổ phần đó cho các Cổ đông trong Công ty hoặc người khác, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi các Cổ đông chấp thuận khác đi hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

3. Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho công ty theo quy định.

Với những trường hợp thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.

Điều 13. Thu hồi cổ phần, tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

7. Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại cổ phần hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều lệ này, thì các Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp Cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì Cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 14. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát Công ty gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng Giám đốc.
- d. Ban kiểm soát;
- e. Các đơn vị, phòng, ban theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 15. Quyền hạn của Cổ đông Công ty

1. Cổ đông là những người sở hữu cổ phần của Công ty. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

Đối với cổ đông là người lao động trong Công ty thì quyền này được điều chỉnh bởi các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật cho Cổ đông khác và cho người không phải là Cổ đông, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 2 Điều 10 của Điều lệ này;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới được chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định bán cổ phần cho các nhà đầu tư bên ngoài, Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, Sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên, có các quyền sau:

a. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 4 Điều 26 và khoản 7 Điều 37 của Điều lệ này.

b. Xem xét và trích lục Sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

– Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Cán bộ quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

– Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Văn bản này phải có đầy đủ các thông tin về: họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông có liên quan). Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.

e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp .

4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của Pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Khi cử người đại diện cũng như việc chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của Cổ đông;

b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

- d. Số cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền và nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại từng thời kỳ phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 16. Nghĩa vụ của các Cổ đông

1. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm Pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

6. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của mình. Trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (4) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (6) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Thành phố Hồ Chí Minh (gần trụ sở của Công ty) do Hội đồng quản trị quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập và các thành viên có liên quan có thể được mời tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
- b. Các báo cáo quý hoặc nửa năm cho thấy Vốn điều lệ đã bị mất một phần tư (1/4);
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật hoặc giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Một Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các Cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các Cổ đông liên quan).
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị xét thấy vì lợi ích của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4. Cách thức triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và e khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm a, khoản 4 của Điều này, thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại điểm b khoản 4 của Điều này, những Cổ đông hoặc một nhóm Cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d khoản 3 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 4 của Điều này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của các kiểm toán viên;
 - e. Thông qua định hướng phát triển ngắn hạn, dài hạn và kế hoạch kinh doanh và tài chính hàng năm của Công ty;
 - f. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định việc trả cổ tức bằng cổ phiếu;
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong giới hạn mà Pháp luật và Điều lệ này cho phép;
 - h. Quyết định việc chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông sáng lập trong vòng ba (3) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập theo quy định của Pháp luật;
 - i. Quyết định đầu tư dài hạn; các dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - j. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Công ty;
 - k. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - l. Quyết định việc phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trích lập các quỹ;
 - m. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;
 - n. Quyết định thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - o. Quyết định tổ chức lại hoặc giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người vào Ban thanh lý;

- p. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
- q. Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo khoản 1 Điều 35 Điều lệ này;
- r. Các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 của Điều lệ này thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu chung của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông, đóng dấu của tổ chức và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo Pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của đại diện được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực ngay cả khi Cổ đông chỉ định đại diện ủy quyền đó đã:

- a. Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền; hoặc
- c. Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các sự kiện trên chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các

cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Điều lệ.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 17 Điều lệ.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: *gshlan*

a. Chuẩn bị một danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty; *Q*

b. Xác định thời gian và địa điểm tiến hành đại hội;

c. Thông báo về cuộc họp tới tất cả các Cổ đông. *f*

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông. *thua*
mar

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 15 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó sở hữu, số và ngày đăng ký cổ đông tại Công ty và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến khoản 4 Điều này nếu:

- a. Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông kiến nghị không đủ điều kiện sở hữu trên năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 22. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các Cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong đại hội lần này bất kỳ số lượng Cổ đông hay đại diện ủy quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ;

2. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 100 của Luật doanh nghiệp;

3. Trước ngày khai mạc Đại hội, phải tiến hành việc đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông bằng phương thức trực tiếp hoặc qua điện thoại cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các Cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp. Thẻ biểu quyết có ghi rõ số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó;

4. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người

có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trường hợp bầu chủ tọa, tên chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho chủ tọa phải được công bố;

b. Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá ba (3) người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

6. Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

7. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

8. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

10. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào chủ tọa cũng có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn Đại hội. Đại hội họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 10 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

13. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này các quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán; tổ chức lại hoặc giải thể Công ty; quyết định đầu tư theo điểm i, khoản 1 Điều 18 Điều lệ; mua bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số Cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trúng cử phải đạt tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp

pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty về những vấn đề sau:

a. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

b. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

c. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong 3 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

d. Công ty mua lại hơn 10% mỗi loại cổ phần phát hành

e. Việc Tổng Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các quyết định đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chủ tọa và thư ký;

e. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông dự họp, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

f. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu liên quan đến nội dung đã biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;

h. Các quyết định đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả Cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Trong vòng hai mươi lăm (25) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp, nếu không có ý kiến phản đối thì các biên bản này được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đó.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất là năm (5) người và nhiều nhất là mười một người (11) người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên là 5 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (5) năm; thành viên

Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Là Cổ đông cá nhân hoặc đại diện của Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh, am hiểu sâu các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

c. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;

d. Không phải là người liên quan của Cán bộ quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm Cán bộ quản lý của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông với điều kiện là:

a. Các Cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Các Cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc họp nhóm này phải thông báo cho các Cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được các thành viên khác của Hội đồng quản trị chấp thuận.

c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (6) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

d. Thành viên đó đã bị miễn nhiệm do quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào.

e. Thành viên là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

6. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty (và thống nhất của Đại hội đồng cổ đông qua mỗi kỳ họp) thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

7. Kết quả bầu các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang Website của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Quyết định chiến lược, định hướng phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, tài chính hằng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục tiêu chiến lược do Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với:

- Tổng Giám đốc Công ty;

- Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng Công ty và Giám đốc các Xí nghiệp trực thuộc theo đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

e. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; ban hành các Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế tuyển dụng, đào tạo, quản lý tài chính, lương, thưởng, sử dụng các quỹ của Công ty...; quyết định thành lập Công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện;

g. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; kiến nghị việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

h. Quyết định việc phát hành trái phiếu;

i. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

j. Kiến nghị việc phân phối lợi nhuận, tỷ lệ trích lập các quỹ; kiến nghị mức cổ tức được trả hàng năm và quyết định mức tạm ứng cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k. Kiến nghị việc tổ chức lại; giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;

l. Quyết định phương án đầu tư; dự án đầu tư trung và ngắn hạn; các dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ các dự án thuộc thẩm quyền quyết định của Tổng Giám đốc theo khoản 3 Điều 35 Điều lệ;

m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

n. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với Cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại Cán bộ quản lý đó.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Việc thành lập Công ty con, chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Quyết định các hợp đồng, giao dịch theo khoản 2 Điều 35 Điều lệ này;

c. Việc Công ty mua lại (kể cả mức giá mua lại) không quá mười phần trăm (10%) cổ phần theo từng loại của Công ty trong mỗi 12 tháng;

d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

4. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

c. Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;

d. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán;

e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

Các báo cáo và tài liệu quy định trên phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất bảy (7) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông **hoặc đại diện nhóm Cổ đông sở hữu trên năm phần trăm (5%)** cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều này. Người được ủy quyền không được phép ủy quyền lại cho người khác. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu ra một người trong số họ đứng ra triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác tại Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

3. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi một trong các đối tượng sau đây có đề nghị bằng văn bản trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, cụ thể:

- a. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) Cán bộ quản lý khác;
- b. Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Có đề nghị của Ban kiểm soát.

5. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời gian sớm nhất, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; sau thời hạn mười lăm (15) ngày người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 5 (năm) ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

7. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị mà không được phép uỷ quyền cho các thành viên khác dự họp thay. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại một cuộc họp về bất kỳ nghị quyết nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

8. Quyền biểu quyết:

a. Trừ quy định tại khoản 2 Điều 35, mỗi thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản theo quy định tại khoản 8 Điều 112 Luật Doanh nghiệp.

c. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng, giao dịch đó. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan tới tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

d. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Biểu quyết: Hội đồng quản trị sẽ thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt hoặc biểu quyết thông qua văn bản. Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

12. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

13. Biên bản cuộc họp: Biên bản phải được lập bằng Tiếng Việt và có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 113 Luật Doanh nghiệp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tọa có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị dự họp và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó, trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

14. Giá trị pháp lý của hành động: mọi hành động được thực hiện theo quyết định Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý mặc dù quá trình bầu, chỉ định thành viên của Hội đồng quản trị có thể có những sai sót.

CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ phải ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị.

Bộ máy quản lý của Công ty gồm một Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, ban Công ty; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các Xí nghiệp (chi nhánh). Các thành viên trong Bộ máy quản lý của Công ty có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn một cách hợp lệ.

Mỗi năm một lần Hội đồng quản trị sẽ tổ chức lấy ý kiến tín nhiệm của cổ đông đối với các cán bộ quản lý của Công ty.

Điều 31. Cán bộ quản lý

Tùy theo tình hình phát triển và đòi hỏi từ thực tế quản lý của công ty, theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ có một số chức danh Cán bộ quản lý cần thiết và thích hợp để thực hiện các công việc quản lý Công ty do Hội đồng quản trị đề ra theo từng thời kỳ. Những Cán bộ quản lý này phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự mẫn cán cần thiết để hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (5) năm, trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (được nêu trong hợp đồng), và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Tổng Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Là cá nhân sở hữu ít nhất 10% vốn điều lệ của Công ty hoặc là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế (10 năm trở lên) quản trị kinh doanh trong lĩnh vực tư vấn thiết kế điện và các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu khác của Công ty.

4. Tổng Giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Cán bộ quản lý và người có thẩm quyền bổ nhiệm Cán bộ quản lý của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

5. Tổng Giám đốc Công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Tổng Giám đốc có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

- b. Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn của Công ty;
 - e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, các Quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty kể cả Cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của mình;
 - h. Tuyển dụng, thuê mướn, bố trí sử dụng lao động, khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động phù hợp với Bộ luật lao động, các Quy chế của Công ty;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức, tổ chức thực hiện việc chi trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ được giao và phải báo cáo cho Hội đồng quản trị khi được yêu cầu;
 - k. Từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch hay các thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy trái Pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế quản lý hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; đồng thời phải có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban kiểm soát;
 - l. Đại diện Công ty trong việc khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi của Công ty;
 - m. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong các trường hợp khẩn cấp như: thiên tai, hỏa hoạn, sự cố... và chịu trách nhiệm về các quyết định này; đồng thời thông báo ngay cho Hội đồng quản trị;
 - n. Đề xuất những biện pháp tăng cường quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - o. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, các Quy chế quản lý và quyết định của Hội đồng quản trị.
 - p. Vào quý IV hàng năm, Tổng Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kế hoạch trên phải đáp ứng các yêu cầu của ngân sách, phù hợp kế hoạch trung và dài hạn do Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông đề ra.
7. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
8. Tổng Giám đốc sẽ bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Tổng Giám đốc gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được các thành viên của Hội đồng quản trị chấp thuận hoặc chấm dứt hợp đồng lao động.
 - b. Hội đồng quản trị sẽ bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 3, 4 và 5 Điều này;

– Vi phạm Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các Quy chế quản lý của Công ty;

– Trong công tác điều hành, có sai sót gây thiệt hại, thất thoát vốn và tài sản của Công ty do thiếu tinh thần trách nhiệm.

Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm phải có trách nhiệm bàn giao công việc cho người kế nhiệm.

Điều 33. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b. Làm biên bản các cuộc họp;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 34. Nghĩa vụ của Cán bộ quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, miễn can, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 44 Điều lệ này; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác hay Người liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty (nếu có) vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

4. Không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác và gia đình của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

6. Không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ.

Điều 35. Thẩm quyền quyết định các loại hợp đồng, giao dịch

1. Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định các loại hợp đồng, giao dịch sau:

a. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (trừ những hợp đồng nhận thầu).

b. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, ngoại trừ hợp đồng, giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam hoặc các đại diện ủy quyền của Tập đoàn Điện lực Việt Nam thì tỷ lệ này là 50%.

– Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

– Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác;

– Doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 44 của Điều lệ và Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác.

Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

2. Hội đồng quản trị có thẩm quyền quyết định các loại hợp đồng, giao dịch sau:

a. Hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b. Các hợp đồng nhận thầu tư vấn, thiết kế, khảo sát... có giá trị lớn hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

c. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại điểm b khoản 1 Điều này mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị ra quyết định về các hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Các hợp đồng nhận thầu tư vấn, thiết kế, khảo sát... có giá trị nhỏ hơn 25% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường những thiệt hại do hành vi của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những đối tượng quy định tại khoản 1 trên đây nếu như người đó đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi kiện của Công ty) nếu:

a. Người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty;

b. Người đó đã hành động trên cơ sở tuân thủ Pháp luật;

c. Người đó đã hành động đúng nhiệm vụ và quyền hạn phù hợp với Điều lệ này và các quy định nội bộ của Công ty; và

d. Không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả chi phí luật sư), các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để giảm những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt Cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

2. Ban kiểm soát có ba (3) thành viên. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc là Người lao động của Công ty. Ban kiểm soát phải bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.

3. Thành viên ban kiểm soát có thể hoạt động kiêm nhiệm nhưng không phải là Cán bộ quản lý trong Công ty.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (5) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trong nhiệm kỳ có khuyết thành viên Ban kiểm soát thì trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất phải bầu bổ sung.

5. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác;

c. Có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ đại học trở lên; am hiểu về lĩnh vực hoạt động phù hợp với các yêu cầu nhiệm vụ của Công ty; am hiểu nghiệp vụ quản lý kinh doanh của Công ty;

d. Có hiểu biết về pháp luật; có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết;

e. Trong số thành viên Ban kiểm soát phải có ít nhất 01 người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là thành viên hay nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

7. Thành viên của Ban kiểm soát do các Cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông với điều kiện là:

a. Các cổ đông nắm giữ ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

b. Các Cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc họp nhóm này phải thông báo cho các Cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

1. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Phân công thành viên Ban kiểm soát phụ trách từng loại công việc kiểm soát và chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Ban kiểm soát;

b. Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;

c. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để phục vụ hoạt động của các thành viên Ban kiểm soát;

d. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Ban kiểm soát phải họp ít nhất một quý một lần. Mỗi lần họp phải có biên bản gửi Hội đồng quản trị và là tài liệu lưu giữ của Công ty.

3. Ban kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

c. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị;

Trình báo cáo thẩm định về các báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

d. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ;

e. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

f. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;

g. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của Cán bộ quản lý Công ty quy định tại Điều 34 Điều lệ thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

h. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

i. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi Cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 40. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 41. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 6 Điều 37 Điều lệ;
 - b. Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn xin từ chức;
 - d. Không còn là đại diện phần vốn của tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền đối với trường hợp thành viên là đại diện phần vốn của tổ chức đó;
 - e. Là đại diện của một tổ chức bị thay thế hoặc mất quyền đại diện cho tổ chức đó.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

CHƯƠNG XI

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 42. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác theo quy chế chung của Công ty khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c. Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương và tiền thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên;

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG XIV CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH LIÊN QUAN

Điều 44. Đối tượng và nội dung công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và Người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG XII QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong điểm a khoản 4 Điều 26 và điểm a khoản 7 Điều 37 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

CHƯƠNG XIII

HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG, CÔNG NHÂN VIÊN, CÔNG ĐOÀN VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI KHÁC

Điều 46. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công nhân viên, Công đoàn và các Tổ chức chính trị xã hội khác

1. Các tổ chức: Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban nữ công... trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật và Điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia các hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này nhưng các hoạt động đó cần thỏa thuận với Cán bộ quản lý Công ty để không làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Hàng năm Cán bộ quản lý Công ty phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động trong Công ty.

4. Tổng Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XV PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 47. Trích lập các quỹ

Lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của luật pháp, bù đắp đủ lỗ trước đó được trích lập các quỹ như sau:

1. Trích 10% để lập quỹ dự phòng tài chính cho đến mức bằng 10% vốn điều lệ;

2. Tỷ lệ phần trích lập cho các Quỹ khen thưởng, Phúc lợi do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm;

3. Tỷ lệ trích lập Quỹ đầu tư phát triển do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở lợi nhuận còn lại;

4. Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 48. Cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

2. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của Cổ đông.

Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.

3. Công ty sẽ không trả lãi trên cổ tức cho bất cứ một loại cổ phiếu nào.

4. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần sẽ được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của chúng phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khóa sổ) làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể có cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi được nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng đến quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

6. Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi (30) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về việc trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả Cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày

trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

7. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

CHƯƠNG XVI

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Điều 49. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại (các) ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền (nếu Pháp luật yêu cầu), Công ty có thể mở tài khoản tại ngân hàng ở nước ngoài nếu cần thiết hoặc nếu Công ty có chi nhánh đang hoạt động ở nước sở tại theo các quy định của Pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 50. Năm tài khoá

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài khoá đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 trong cùng năm cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 51. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XVII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 52. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 53. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVIII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 54. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Đối với năm tài chính đầu tiên, Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng [hai] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XIX CON DẤU

Điều 55. Con dấu

1. Công ty có con dấu riêng. Con dấu của Công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của Công ty. Hình thức và nội dung của con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của Chính phủ.

2. Con dấu là tài sản của Công ty. Người đại diện theo Pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo quy định của Pháp luật. Trong trường hợp cần thiết, được sự đồng ý của cơ quan cấp dấu, Công ty có thể có con dấu thứ hai.

CHƯƠNG XX CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 56. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể giải thể, bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của Pháp luật hiện hành;
- Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; hoặc
- Các trường hợp khác do Pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và quyết định này phải được gửi lên cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận là bắt buộc. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Thủ tục giải thể Công ty theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

4. Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể:

Kể từ khi có quyết định giải thể Công ty, nghiêm cấm Công ty, Cán bộ quản lý Công ty thực hiện các hoạt động sau đây:

- Cất giấu, tẩu tán tài sản;
- Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;
- Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Công ty;
- Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể Công ty;
- Cầm cố, thế chấp, tặng, cho, cho thuê tài sản;
- Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;
- Huy động vốn dưới mọi hình thức khác.

Điều 57. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và Cổ đông

Các Cổ đông sở hữu một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể Công ty chiếu theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các Cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh Cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ đông.

Điều 58. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Trừ trường hợp Pháp luật có quy định khác đi, tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương, trợ cấp thôi việc và chi phí bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của Pháp luật;
- c. Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước, các khoản vay (nếu có) và các khoản nợ khác của Công ty.

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm c trên đây sẽ được phân chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XXI GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 59. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các Cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ quản lý khác;

thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải theo nguyên tắc sau:

- Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

- Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên sẽ yêu cầu một bên thứ ba độc lập phải là luật sư hoặc tổ chức luật sư được phép hành nghề làm trung gian hoà giải.

2. Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng bốn (4) tuần kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền để giải quyết.

3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí liên quan đến việc giải quyết tranh chấp tại cơ quan có thẩm quyền sẽ theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG XXII BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 60. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXIII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 61. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 23 Chương 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 nhất trí thông qua trong cuộc họp lần thứ nhất ngày 22 tháng 9 năm 2007 tại Hội trường Khách sạn VICTORY – số 14 đường Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh và được bổ sung, sửa đổi một số Điều, Khoản do Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua bằng thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này để thông qua Nghị quyết số: 581/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/12/2008 của Đại hội đồng cổ đông nhằm tuân thủ quy định của Bộ Tài chính theo Quyết định 15/QĐ-BTC ngày 19/3/2007 v/v áp dụng Điều lệ mẫu đối với các công ty Niêm yết.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Pháp luật;
- c. Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 62. Chữ ký của các cổ đông sáng lập

CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đào Văn Hưng

TRƯƠNG KHẮC LEN

NGUYỄN TÀI ANH


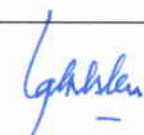


LƯƠNG VĂN ĐÀI






PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2

Số TT	Họ và tên	Số lượng cổ phần sở hữu	Số cổ phần ủy quyền	Tổng cộng	Tỷ lệ cổ phần so VDL	Chữ ký
I	Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.275.490		2.275.490	51,26%	
1	Ông Trương Khắc Len	3.000	910.196	913.196	20.57%	
2	Ông Nguyễn Tài Anh	10.300	682.647	692.947	15.61%	
3	Ông Lương Văn Đài	0	682.647	682.647	15.37%	

PHỤ LỤC

**DANH SÁCH CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÁ NHÂN
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 2**

Số TT	Họ và tên	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ cổ phần	Chữ ký
1	Ông Phạm Văn Thảo	2.700	27.000.000	0.06%	
2	Ông Nguyễn Trọng Nam	1.500	15.000.000	0.033%	